

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No 555/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019
Hanoi, 15 November 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **14/11/2019**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.200	4,1%
2	BVH	100	0,5%
3	CII	300	0,5%
4	CTD	50	0,3%
5	CTG	430	0,7%
6	DHG	10	0,1%
7	DXG	560	0,7%
8	EIB	1.520	2,1%
9	FLC	820	0,3%
10	FPT	790	3,5%
11	GAS	130	1,0%
12	GEX	590	0,9%
13	GMD	360	0,7%
14	HBC	230	0,2%
15	HCM	170	0,3%
16	HDB	1.000	2,2%
17	HPG	2.410	4,0%
18	HSG	370	0,2%



26

19	KBC	510	0,6%
20	MBB	1.990	3,4%
21	MSN	680	3,7%
22	MWG	410	3,6%
23	NLG	190	0,4%
24	NVL	540	2,3%
25	PDR	180	0,3%
26	PLX	150	0,7%
27	PNJ	250	1,6%
28	POW	680	0,7%
29	PVD	290	0,3%
30	PVS	300	0,4%
31	REE	240	0,7%
32	ROS	330	0,6%
33	SAB	100	1,9%
34	SBT	410	0,6%
35	SHB	1.400	0,7%
36	SSI	440	0,7%
37	STB	2.620	2,1%
38	TCB	3.300	6,1%
39	TCH	280	0,5%
40	TPB	720	1,2%
41	VCB	430	2,9%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,6%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.210	8,7%
46	VIC	1.120	9,9%
47	VJC	380	4,0%
48	VNM	990	9,2%
49	VPB	2.450	3,9%
50	VRE	1.520	3,9%
II	Tiền/Cash (VND)	11.683.578	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1.336.791.100 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i>	1.348.474.678 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i>	11.683.578 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ <i>Plan to reduce the spread</i>	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	73.000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	21.650	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	90.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	25.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	21.850	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	60.500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	25.050	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	23.250	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	MWG	119.900	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	NLG	28.300	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



Phu

11	PNJ	86.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	37.600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TCB	24.750	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	TPB	22.550	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
15	VPB	21.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 14/11/2019	Kỳ trước/Last Period 13/11/2019	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13.800.000	13.800.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13.460	13.500	-40
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	186.089.505.585	187.292.246.702	-1.202.741.117
của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit	1.348.474.678	1.357.190.193	-8.715.515
của 1 CCQ/ per Share	13.484,74	13.571,90	-87,16
Chỉ số tham chiếu/Tracking Index	1.519,57	1.526,07	-6,50

Đại diện tổ chức

Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC